

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18/12/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hồng
Ông Võ Văn Thỏ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh N, sinh ngày 09/09/1973 (Có mặt)

Căn cước công dân số:, cấp ngày: 12/08/2021.

Địa chỉ: ấp T, xã TL, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Phan K, sinh ngày 01/01/1972 (Vắng mặt)

Căn cước công dân số:

Địa chỉ: ấp T, xã TL, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 25/9/2025, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Phan K được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới năm 1993, đến ngày 21/6/2013 mới đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã TL, thành phố Cần Thơ).

Từ khi xây dựng hôn nhân, vợ chồng bà sống với nhau hạnh phúc, dần về sau vợ chồng bà thường xuyên phát sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài dẫn đến mục đích xây dựng đời sống hôn nhân không đạt được. Vợ chồng bà đã rạn nứt tình cảm từ mười mấy năm nay, nhưng bà và ông K chỉ mới ly thân khoảng ba năm nay, ông K không chung thủy với bà, cũng không chăm sóc quan tâm đến vợ con. Tại phiên tòa bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Phan K.

Về con chung: Bà và ông Phan K có một con ruột là cháu D, sinh ngày 01/01/1994, trong giấy khai sinh của cháu D có họ tên cha là Đoàn K vì thời điểm bà đi đăng ký giấy khai sinh cho cháu D tưởng ông K họ Đ nên đăng ký họ tên cha là Đoàn D vì họ ông nội cháu D là họ Đoàn, sau đó phát hiện sai sót nhưng không có đi chỉnh sửa lại và một người con chung là cháu Huỳnh H, sinh ngày 12/9/2012. Cháu D hiện nay đã có gia đình riêng, bà không có yêu cầu gì, còn cháu H hiện nay đang sống cùng bà, bà yêu cầu được nuôi cháu H, cháu H cũng có nguyện vọng được sống chung với bà, bà không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn: chị không yêu cầu xem xét.

2/ Bị đơn ông Phan K: Ông K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh N nhưng ông K không có ý kiến phản đối, cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa.

3/ Theo tờ nguyên vọng của cháu Huỳnh H, sinh ngày 12/9/2012: Cháu H thể hiện có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ là bà N sau khi cha mẹ ly hôn.

4/ Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn có mặt chấp hành đúng nội quy phiên tòa và quy định triệu tập của Bộ luật Tố tụng dân sự, còn bị đơn vắng mặt không rõ lý do là chưa chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà Huỳnh N được ly hôn với ông Phan K. Về cháu Đoàn D đã trưởng thành đủ khả năng lao động, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; Giao con chung tên Huỳnh H, sinh ngày 12/9/2012 cho bà Huỳnh N nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con bà N không yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông Phan K theo quy định của pháp luật. Về nợ chung, tài sản chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Huỳnh N khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với ông Phan K cư trú tại ấp T, xã TL, thành phố Cần Thơ. Nên Tòa án xác định loại kiện Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Phan K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn và Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông K.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh N và ông Phan K là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ngày 21/6/2013 ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Ủy ban nhân dân xã TL, thành phố cần Thơ) và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông K là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa bà N và ông K, theo bà N cho rằng hai vợ chồng bà đã rạn nứt tình cảm từ mười mấy năm trước đây, ông K không còn thương yêu vợ con, không chung thủy với vợ, không quan tâm đến vợ con, bà cũng đã nhiều lần khuyên ông K nhưng vẫn tính nết nào tặc nấy, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, không còn tin tưởng nhau, vợ chồng không còn tiếng nói chung. Nên tại phiên tòa bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Phan K. Ông K không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà N. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của bà N và ông K đã không còn sự quan tâm, thương yêu dành cho nhau, không còn tin tưởng nhau, ông bà đã ly thân với nhau từ ba năm nay không thể hàn gắn, tại phiên tòa bà K giữ nguyên yêu cầu ly hôn, mâu thuẫn giữa bà N và ông K là trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Huỳnh N được ly hôn với ông Phan K.

[4] Về con chung: Bà Huỳnh N và ông Phan K có con chung là cháu Huỳnh H, sinh ngày 12/9/2012, cháu H hiện nay đang sống chung với bà N. Bà N yêu cầu được nuôi cháu H, ông K không có ý kiến phản đối, cháu H hiện nay đã hơn 13 tuổi và có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà N sau khi cha mẹ ly hôn với nhau. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền*

của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con". Giữa ông K và bà N không thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử sẽ quyết định về việc giao con cho ai nuôi dưỡng. Do cháu H hiện nay đã hơn 13 tuổi, có nguyện vọng sống chung với mẹ (bà N) sau khi cha mẹ ly hôn với nhau, hiện tại cháu H được mẹ ruột là bà Ngẫu đang nuôi dưỡng nên căn cứ vào nguyện vọng của cháu H, và cần ổn định môi trường sống, ổn định tâm lý trẻ em nên quyết định giao cháu H cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp về mặt tâm sinh lý của cháu, phù hợp nguyện vọng của cháu. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho ông Phan K theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với cháu Đoàn D, sinh ngày 01/01/1994 thì bà N trình bày là con chung giữa bà N và ông Phan K nhưng trong giấy khai sinh của cháu Đoàn D thể hiện họ tên cha là Đoàn K, tại thời điểm xét xử chưa được ông Phan K thừa nhận là con chung, bà N cũng chưa cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cháu D là con chung của ông Phan K và bà, tuy nhiên cháu D hiện nay cũng hơn 18 tuổi, có vợ con, bà N không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử cũng không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Huỳnh N phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007756 ngày 28/10/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Ông Phan K không phải chịu án phí.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh N được ly hôn với ông Phan K.

2/ Về con chung:

Giao cháu Huỳnh H sinh ngày 12/9/2012 cho bà Huỳnh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Ông Phan K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

Cháu Đoàn D, sinh ngày 01/01/1994 hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí sơ thẩm:

Buộc bà Huỳnh N phải chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà Huỳnh N được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007756 ngày 28/10/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Ông Phan K không phải chịu án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- UBND xã TL, TPCT;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng